

Quản lý nợ đọng thuế, bài học kinh nghiệm cho tỉnh Quảng Bình

 Võ Minh Doang*

Nhận: 05/6/2021

Biên tập: 13/6/2021

Duyệt đăng: 21/6/2021

Thuế là công cụ chủ yếu huy động nguồn lực vật chất cho Nhà nước, là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường, là công cụ điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối và là công cụ thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất – kinh doanh. Chính sách thuế được đặt ra, không chỉ nhằm mang lại số thu đơn thuần cho ngân sách, mà yêu cầu cao hơn là qua thu góp phần thực hiện chức năng kiểm kê, kiểm soát, quản lý hướng dẫn và khuyến khích phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông đối với tất cả các thành phần kinh tế theo hướng phát triển của kế hoạch Nhà nước. Góp phần tích cực vào việc điều chỉnh các mặt mắt cân đối lớn, trong nền kinh tế quốc dân.

Nợ thuế là vấn đề không thể tránh khỏi đối với nền kinh tế nước ta và các quốc gia trên thế giới, trong bối cảnh hiện nay. Nợ thuế là hiện tượng người nộp thuế không nộp đầy đủ và đúng hạn số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước (NSNN) theo quy định của pháp luật về thuế. Cùng với sự hoàn thiện và đổi mới trong quy trình quản lý nợ thuế, khái niệm “tiền thuế nợ” đã được diễn giải/quy định ngày càng rõ ràng và đầy đủ hơn, thông qua các văn bản quy phạm pháp luật. Tiền thuế nợ là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN, do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế chưa nộp NSNN khi hết thời hạn nộp theo quy định.

Tiền thuế nợ là các khoản tiền thuế; phí, lệ phí; các khoản thu từ đất; thu từ khai thác tài nguyên

khoáng sản và các khoản thu khác thuộc NSNN, do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật (gọi chung là tiền thuế) nhưng đã hết thời hạn quy định mà người nộp thuế chưa nộp vào NSNN.

Nợ đọng thuế là số tiền thuế nợ được xác định tại một thời điểm nhất định, thường là thời điểm chốt nợ thuế. Thời điểm chốt nợ, là mốc thời gian cố định để chốt số liệu nợ của tháng đã khóa sổ và là ngày cuối cùng của tháng khóa sổ.

Quản lý nợ đọng thuế là công việc cơ quan thuế quản lý theo dõi, nắm bắt tình hình số tiền thuế nợ và thực hiện các biện pháp quản lý, đơn đốc thu hồi số thuế nợ của người nộp thuế để đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tiền thuế nợ vào NSNN.

Quy định về nợ đọng thuế và quản lý nợ thuế

Để phục vụ cho công tác quản lý nợ đọng thuế có hiệu quả, căn cứ vào quy mô và tình hình diễn biến nợ cũng như yêu cầu đặt ra trong mỗi thời kỳ, Tổng Cục Thuế đã có văn bản hướng dẫn phân loại một cách phù hợp, với việc hoàn thiện và đổi mới trong quy trình quản lý nợ thuế.

Cách phân loại nợ thuế được quy định rõ tại Mục IV của Quy trình Quản lý nợ Thuế ban hành, kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thuế, cụ thể như sau:

- Tiền thuế nợ từ 1 - 30 ngày: là số tiền thuế đã quá thời hạn nộp từ 1 - 30 ngày nhưng người nộp thuế

chưa nộp vào NSNN và không thuộc tính chất phân loại tại điểm 6, 7, 8, 9 và 10 sau.

- Tiền thuế nợ từ 31 - 60 ngày: là số tiền thuế đã quá thời hạn nộp từ 31 - 60 ngày nhưng người nộp thuế chưa nộp vào NSNN và không thuộc tính chất phân loại tại điểm 6, 7, 8, 9 và 10 sau.

- Tiền thuế nợ từ 61 - 90 ngày: là số tiền thuế đã quá thời hạn nộp từ 61 - 90 ngày nhưng người nộp thuế chưa nộp vào NSNN và không thuộc tính chất phân loại tại điểm 6, 7, 8, 9 và 10 sau.

- Tiền thuế nợ từ 91 - 120 ngày: là số tiền thuế đã quá thời hạn nộp từ 91 - 120 ngày nhưng người nộp thuế chưa nộp vào NSNN và không thuộc tính chất phân loại tại điểm 6, 7, 8, 9 và 10 sau.

- Tiền thuế nợ từ 121 ngày trở lên: là số tiền thuế đã quá thời hạn nộp từ 121 trở lên nhưng người nộp thuế chưa nộp vào NSNN và không thuộc tính chất phân loại tại loại 6, 7, 8, 9 và 10 sau.

- Tiền thuế đang khiếu nại: là số tiền thuế mà người nộp thuế phải nộp NSNN theo quy định nhưng người nộp thuế đã có văn bản gửi cơ quan thuế khiếu nại về số tiền thuế phải nộp, cơ quan thuế đang trong giai đoạn giải quyết khiếu nại.

- Tiền thuế đã hết thời gian gia hạn nộp thuế: là số tiền thuế đã được gia hạn nộp thuế nhưng khi hết thời gian gia hạn nộp thuế, người nộp thuế chưa nộp thuế vào NSNN.

* Chủ tịch Hội Kế toán và Kiểm toán tỉnh Quảng Bình

- Tiền thuế nợ đang xử lý: là số tiền thuế nợ của người nộp thuế có văn bản đề nghị xử lý nợ, hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị đầy đủ theo quy định, cơ quan thuế đã tiếp nhận hồ sơ và đang trong thời gian thực hiện các thủ tục tại cơ quan thuế để ban hành quyết định hoặc văn bản xử lý nợ, bao gồm các trường hợp sau: xử lý miễn, giảm; xử lý gia hạn nộp thuế; xử lý xoá nợ; xử lý bù trừ các khoản nợ NSNN với số tiền thuế được hoàn trả; và xử lý nộp dần tiền thuế nợ.

- Tiền thuế nợ khó thu, bao gồm các trường hợp sau:

+ Tiền thuế nợ đang xác định đối tượng để thu, gồm các trường hợp:

Tiền thuế nợ của người nộp thuế được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự chưa có hồ sơ đề nghị xoá nợ.

Tiền thuế nợ có liên quan đến trách nhiệm hình sự là số tiền thuế nợ của người nộp thuế đang trong giai đoạn bị điều tra, khởi tố hình sự, đang chờ bản án hoặc kết luận của cơ quan pháp luật, chưa thực hiện được nghĩa vụ nộp thuế.

Tiền thuế nợ của người nộp thuế bỏ địa chỉ kinh doanh là số tiền thuế nợ của người nộp thuế mà cơ quan thuế đã kiểm tra, xác định người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh và đã thông báo cơ sở kinh doanh không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế.

Tiền thuế nợ của người nộp thuế chờ giải thể là số tiền thuế nợ của người nộp thuế đã thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp nhưng chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ thuế theo quy định của pháp luật.

Tiền thuế nợ của người nộp thuế mất khả năng thanh toán: là số tiền thuế nợ của người nộp thuế đã có quyết định phá sản doanh nghiệp hoặc đang trong thời gian làm thủ tục phá sản doanh nghiệp nhưng chưa làm các thủ tục xử lý nợ theo quy định của pháp luật.

- Tiền thuế nợ đã áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế nợ thuế, gồm:

Tiền thuế nợ đã áp dụng hết các

biện pháp cưỡng chế nợ thuế và dưới 10 năm: là các khoản tiền thuế nợ mà cơ quan thuế đã áp dụng đến biện pháp cưỡng chế nợ thuế cuối cùng là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề nhưng vẫn không thu hồi được tiền thuế nợ, thời gian nợ dưới 10 năm.

Tiền thuế nợ đã áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế nợ thuế và từ 10 năm trở lên, là các khoản tiền thuế nợ mà cơ quan thuế đã áp dụng đến biện pháp cưỡng chế nợ thuế cuối cùng là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề nhưng vẫn không thu hồi được tiền thuế nợ, thời gian nợ từ 10 năm trở lên.

- Tiền thuế đang chờ điều chỉnh, bao gồm các trường hợp sau:

- Tiền thuế chờ điều chỉnh do sai sót: người nộp thuế ghi sai, ghi thiếu các chỉ tiêu trên chứng từ thu NSNN; các sai sót của Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại; các sai sót của cơ quan thuế như: xử lý sai dữ liệu về số thuế phải nộp hoặc đã nộp NSNN, người nộp thuế kê khai thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính, đã nộp thuế của cơ sở sản xuất trực thuộc tại địa bàn tỉnh/thành phố khác nơi đóng trụ sở chính, cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính chưa nhận được chứng từ nộp thuế; các sai sót khác.

- Tiền thuế chờ điều chỉnh do chứng từ luân chuyển chậm hoặc thất lạc: chứng từ luân chuyển từ Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại sang cơ quan thuế không thực hiện đúng quy định; chứng từ thất lạc, cơ quan thuế đã nhận được sau thời gian thất lạc do người nộp thuế hoặc kho bạc nhà nước, ngân hàng cung cấp; chứng từ do công chức thuế hoặc ủy nhiệm thu đã thu nhưng chưa kịp thời thực hiện các thủ tục thanh toán tiền thuế, nộp tiền vào NSNN theo đúng quy định.

- Tiền thuế chờ ghi thu - ghi chi:

là số tiền thuế người nộp thuế đã kê khai và thực hiện các thủ tục nộp NSNN nhưng cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào NSNN hoặc số tiền chưa đến thời hạn được cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục ghi thu - ghi chi theo định kỳ (tháng, quý, năm).

- Tiền thuế được gia hạn nộp thuế nhưng chưa kịp thời hạch toán/ghi nhận/cập nhật trên ứng dụng dẫn đến hệ thống vẫn theo dõi là tiền thuế nợ.

- Tiền thuế không tính tiền chậm nộp: là số tiền thuế nợ của người nộp thuế đã được cơ quan thuế ban hành quyết định không tính tiền chậm nộp.

Thực trạng nợ đọng thuế tại Quảng Bình

Quảng Bình luôn xác định thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách, đã chú trọng và chỉ đạo sâu sát đối với công tác quản lý thuế. Với sự cố gắng của người nộp thuế, sự nỗ lực quản lý thu của cơ quan thuế trên địa bàn, số thu thuế hàng năm đều đạt và vượt dự toán cấp trên giao, góp phần cân đối thu chi ngân sách. Tuy vậy, tình trạng nợ đọng thuế là vấn đề rất đáng quan tâm của cơ quan thuế, chính quyền và của người nộp thuế. Tại thời điểm 31/12/2019, Quảng Bình có khoảng 34.242 tổ chức và cá nhân nợ thuế, với tổng số tiền 450,52 tỷ đồng bằng 8,01% tổng thu ngân sách năm 2019, tăng 25,86% so cùng thời điểm năm trước. Trong đó, nợ khó thu (không có khả năng thu) là 179,66 tỷ đồng, chiếm 39,88% tổng số tiền thuế nợ, nợ có khả năng thu là 270,86 tỷ đồng, chiếm 60,12% tổng số tiền thuế nợ.

Đến thời điểm 31/3/2020, tổng số tiền thuế nợ vẫn tiếp tục tăng và ở mức 493,05 tỷ đồng, trong đó, nợ khó thu là 182,77 tỷ đồng, chiếm 37,07% tổng số tiền thuế nợ, nợ có khả năng thu là 310,28 tỷ đồng, chiếm 62,93% tổng số tiền thuế nợ. Trước tình hình nợ thuế tiếp tục tăng cao đáng báo động, tiếp thu sự chỉ đạo của UBND tỉnh và Tổng Cục Thuế, Cục Thuế tỉnh Quảng Bình đã đẩy mạnh nhiều biện pháp như tuyên

truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ, chia sẻ giúp doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất – kinh doanh, kiểm tra, thanh tra, đề nghị cấp có thẩm quyền khoan nợ, áp dụng biện pháp cưỡng chế như thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh, thông báo hoá đơn không còn giá trị sử dụng, song vẫn có nhiều doanh nghiệp có biểu hiện ỳ, trốn tránh nghĩa vụ. Vấn đề đặt ra hiện nay là, cần đánh giá rõ thực trạng, phân tích các nhân tố ảnh hưởng, xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tìm giải pháp hữu hiệu cho công tác quản lý nợ đọng thuế trên địa bàn.

Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Quảng Bình

Bài học về cơ chế quản lý thuế

Cơ chế quản lý thuế nên áp dụng đó là “cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế”. Trong quá trình thực thi, cơ quan quản lý thuế thực hiện quản lý giám sát chặt chẽ bằng phương pháp hiệu quả hơn. Cơ chế này tạo nên sự kết hợp hài hòa giữa vai trò của cơ quan quản lý thuế như một cơ quan công quyền thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về thuế, với vai trò một cơ quan cung cấp dịch vụ thuế cho cộng đồng doanh nghiệp và xã hội. Lý do không áp dụng cơ chế cơ quan thuế tính thuế, bởi nó có những hạn chế là:

Một là, đòi hỏi cán bộ thuế phải kiểm tra tất cả các tờ khai thuế, các khoản phải thu dựa trên những số liệu mà cơ quan thuế có được để xác định số thuế chính thức phải nộp và ra thông báo thuế cho người nộp thuế. Vấn đề này cần số lượng nhân lực thuế nhiều và kỹ năng chuyên môn, nên sẽ đẩy chi phí quản lý thuế lên cao;

Hai là, cơ chế này thể hiện sự ít tin tưởng của cơ quan thuế, đối với người nộp thuế. Cách thức quản lý thuế này mang tính áp đặt, nặng về sử dụng quyền lực của cơ quan quản lý thuế đối với người nộp thuế;

Ba là, việc cơ quan thuế tính thuế thường gây ra nhiều tranh cãi, bất đồng giữa giữa cơ quan quản lý thuế

với người nộp thuế về cách thức xác định số thuế phải nộp;

Bốn là, người nộp thuế phải chờ đợi cơ quan thuế tính và ra thông báo mới có thể nộp thuế, làm ảnh hưởng đến tiến độ thu thuế;

Năm là, việc xác định số thuế phải nộp trở thành trách nhiệm pháp lý của cơ quan thuế, vì thế, không khuyến khích người nộp thuế tự giác tuân thủ và đặc biệt là trong điều kiện hiện nay, với sự gia tăng số lượng của người nộp thuế ngày càng nhanh, cơ chế cơ quan thuế tính thuế đòi hỏi có nguồn nhân lực thuế cần phải tăng lên tích ứng, và chính đây là lý do dẫn đến chi phí quản lý thuế bị đẩy lên rất cao.

Bài học về mô hình tổ chức quản lý thuế

Xuất phát từ đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, những thuận lợi và khó khăn quản lý thuế, nợ đọng thuế của tỉnh Quảng Bình, đồng thời qua phân tích những ưu điểm và hạn chế của các mô hình tổ chức quản lý thuế và nợ thuế. Cục Thuế tỉnh Quảng Bình nên lựa chọn và áp dụng mô hình tổ chức quản lý thuế đó là mô hình “Chức năng – Quy mô đối tượng – Sắc thuế”; bởi mô hình kết hợp này sẽ phát huy ưu điểm của cả ba mô hình tổ chức quản lý theo chức năng, theo nhóm người và theo sắc thuế; đồng thời, quản lý theo chức năng vẫn được coi trọng nhất.

Bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện

Một là, phải đào tạo lại cho công chức cả mới lẫn cũ toàn bộ kiến thức về chính sách, quy trình quản lý nợ và quy trình cưỡng chế nợ thuế, các ứng dụng công nghệ thông tin của ngành và triển khai nhiều ứng dụng khác để phục vụ công tác.

Hai là, các nhân tố tác động tích cực, đem lại hiệu quả cho công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế hiện nay là: chuyển đổi tư duy, đẩy mạnh vai trò tham mưu cho Ban lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Quảng Bình và thực hiện các công tác giám sát khối công

chức thuế; xây dựng cơ sở dữ liệu về nợ thuế, để có thể tổng hợp hàng loạt báo cáo phân tích trên địa bàn, dựa trên các ứng dụng công nghệ thông tin. Nhân sự phải làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tập thể phải đoàn kết vì mục tiêu chung, được công nhận kết quả làm việc của mình và có chế độ quan tâm, động viên tinh thần. Trưởng hoặc phó trưởng phòng phụ trách mảng thực hiện vai trò đào tạo cho các công chức QLNT&CCNT về chính sách, nghiệp vụ và các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác này.

Ba là, vấn đề quan trọng nhất vẫn là người tổng chỉ huy - người đứng đầu bộ phận này cần đảm bảo các yêu cầu sau: trong công tác, đã được kinh qua quản lý các bộ phận quan trọng như tổng hợp - dự toán, kiểm tra, kê khai – kế toán thuế, trung tâm dữ liệu. Về chuyên môn, nghiệp vụ phải được đào tạo tốt nghiệp bài bản đủ kiến thức tổng hợp liên ngành, gồm chuyên ngành tài chính – ngân hàng, công nghệ thông tin và quản trị kinh doanh.

Bốn là, để công tác thu nợ hiệu quả thì phải nắm rõ nguồn ở những doanh nghiệp, ngành nghề hoạt động kinh doanh như thế nào, để có giải pháp thu hồi nợ thích hợp. Nếu trong trường hợp cán bộ của mình thực sự còn yếu phần này thì những hồ sơ trên 30 tỷ đồng, lãnh đạo bộ phận cần hướng dẫn trực tiếp công chức thực hiện.

Bài học áp dụng giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý

Qua nghiên cứu thực tiễn ở Anh, có thể áp dụng kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý đó là: ứng dụng tự động phân tích và phân loại hồ sơ hoàn thuế (theo 4 nhóm: rủi ro thấp, rủi ro vừa, rủi ro cao và rủi ro đặc biệt), nếu vẫn còn nghi vấn về kết quả phân tích sẽ tiến hành kiểm tra trực tiếp tại trụ sở của người nộp thu. Đồng thời, qua học tập kinh nghiệm tại TP.HCM, địa phương này có số lượng doanh

nghiệp bình quân tăng hàng năm hơn 21.000 doanh nghiệp. Năm 2019 có 254.075 doanh nghiệp chưa bao gồm cá nhân, tổ chức khác và hơn 199.084 HKD [46], do đó áp lực công việc ngày càng tăng cao, đòi hỏi phải có giải pháp đổi mới mang lại hiệu quả.

Từ những cơ sở thực nêu trên có thể thấy rằng, giải pháp có ý nghĩa quyết định đó là ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thu nợ thuế. Các giải pháp được chia làm hai nhóm như sau:

Nhóm 1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu nợ

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu để chuyên dữ liệu nợ thuế từ TMS vào VỚI sự hỗ trợ của trung tâm tích hợp và lưu trữ thông tin người nộp thuế, cơ sở dữ liệu đã được xây dựng và hàng tháng các số liệu về nợ được đổ vào hệ thống này để phục vụ việc tổng hợp báo cáo, phân tích đánh giá tình hình nợ thuế khi có yêu cầu.

b) Bộ công cụ SQL tổng hợp báo cáo phân tích và theo dõi tiến độ thu nợ

Dựa trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, bộ công cụ SQL được sử dụng để tổng hợp một số báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tổng hợp các báo cáo đột xuất theo yêu cầu, theo dõi tiến độ thu nợ của các đơn vị, kịp thời nắm được danh sách phát sinh nợ lớn mới phát sinh để có giải pháp thu nợ phù hợp và hiệu quả.

c) Ứng dụng tổng hợp báo cáo

Do hệ thống email bị giới hạn dung lượng sử dụng nên việc tiếp nhận các file báo cáo của các chi cục thuế còn nhiều bất cập. Do đó, Phòng công nghệ thông tin đã xây dựng ứng dụng Tổng hợp báo cáo trên nền tảng Web App. Phòng QLN là một trong những đơn vị đầu tiên và thường xuyên sử dụng phần mềm này để tiếp nhận báo cáo.

d) Ứng dụng tính lại tiền chậm nộp thuế

Việc hồ sơ khai thuế, chứng từ, quyết định xử lý,... hạch toán chậm dẫn đến sai thứ tự bù trừ nên sinh ra

tiền chậm nộp chưa chính xác trên ứng dụng. Do số liệu nợ thuế nằm ở nhiều ứng dụng như QLT, QTN, TMS và Tổng cục Thuế chưa có ứng dụng tính lại tiền chậm nộp nên để có thể tính lại tiền chậm nộp thì công chức phải kết xuất dữ liệu chi tiết từ các ứng dụng trên để tính thủ công, mất nhiều thời gian và công sức. Để đáp ứng yêu cầu trên, phòng đã nghiên cứu và xây dựng ứng dụng tính lại tính chậm nộp.

e) Ứng dụng tách thông báo 07 ra từng file riêng lẻ theo mã số thuế và ứng dụng tích hợp chữ ký quét, dấu đỏ vào từng file thông báo để gửi mail cho người nộp thuế và lưu trữ file.

Hàng tháng, ứng dụng TMS kết xuất ra 01 file chứa hàng ngàn thông báo 07-QLN. Công chức phải thực hiện in ra giấy, gửi văn thư đóng dấu, bỏ bao thư để phát hành và lưu trữ giấy nên mất nhiều thời gian, công sức. Để khắc phục hạn chế này, Phòng QLN đã triển khai hai ứng dụng tách thông báo 07 ra từng file riêng lẻ theo mã số thuế và ứng dụng tích hợp chữ ký quét, dấu đỏ vào từng file thông báo để gửi mail cho người nộp thuế và lưu trữ file.

Nhóm 2: Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành công việc

a) Quản trị công việc trên phần mềm MyXteam

MyXteam là giải pháp công nghệ giúp công chức, ban lãnh đạo phòng quản lý công việc trực tuyến, phân công công việc hiệu quả. Hệ thống được đồng bộ hóa trên tất cả các thiết bị Web App, IOS, Android. Bên cạnh đó, MyXteam được sử dụng trong việc lập kế hoạch thu nợ, đối chiếu tiền chậm nộp và theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch của toàn phòng và từng công chức.

b) Công cụ đánh giá và thống kê công việc theo mô hình KPI (Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc): công cụ đo lường thông qua số liệu, chỉ tiêu được lượng hóa nhằm đánh giá hiệu quả công việc của công chức.

Qua đó, làm cơ sở đánh giá xếp loại hàng quý, cuối năm và có khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích, tạo động lực làm việc cho công chức. ■

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội XIII (2019), Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14, Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua và ban hành vào ngày 13/06/2019.
2. Chính phủ (2015), Nghị Định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 về đăng ký doanh nghiệp.
3. Bộ Tài chính (2008), Thông tư số 128/2008/TT-BTC hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu NSNN qua Kho bạc Nhà nước, ban hành ngày 24/12/2008.
4. Bộ Tài chính (2011), Thông tư số 28/2011/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý Thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ, ban hành ngày 28/02/2011.
5. Bộ Tài chính (2011), Thông tư số 32/2011/TT-BTC hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng, cung ứng dịch vụ, ban hành ngày 14/03/2011.
6. Bộ Tài chính (2013), Thông tư số 156/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành 1 số điều của Luật Quản lý Thuế, Luật sửa đổi, bổ sung 1 số điều của Luật Quản lý Thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, ban hành ngày 06/11/2013.
7. Bộ Tài chính (2013), Thông tư số 179/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện xóa nợ tiền thuế, tiền phạt không có khả năng thu hồi phát sinh trước ngày 01/7/2007, ban hành ngày 02/12/2013.
8. Bộ Tài chính (2013), Thông tư số 215/2013/TT-BTC hướng dẫn về cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế, ban hành ngày 31/12/2013.
9. Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 119/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC, Thông tư số 111/2013/TT-BTC, Thông tư số 219/2013/TT-BTC, Thông tư số 08/2013/TT-BTC, Thông tư số 85/2011/TT-BTC, Thông tư số 39/2014/TT-BTC và Thông tư số 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế, ban hành ngày 25/8/2014.
10. Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 126/2014/TT-BTC quy định một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu, ban hành ngày 28/08/2014...